

CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH VĨNH PHÚC

NĂM 2023

GRDP

▲ 2,37 %

Tốc độ tăng GRDP năm 2023



Chỉ số sx công nghiệp

▼ 0,41%

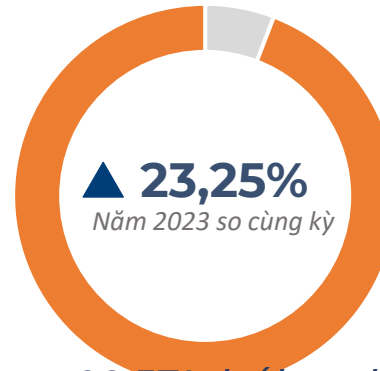


Tổng mức BLHH & DVTD

▲ 18,18%

Năm 2023 so cùng kỳ

VĐT thực hiện NSNN



=90,57% kế hoạch

Thu hút đầu tư trực tiếp

Tính đến ngày 15/12/2023

78 dự án

FDI

Tổng vốn đăng ký ▲ 30,76%

36 dự án

DDI

Tổng vốn đăng ký ▲ 75,63%



Thu chi NSNN

Thu NSNN ▼ 24,51 %

Chi NSNN ▲ 15,11 %

Tính đến 15/12/2023 so cùng kỳ



Xuất nhập khẩu

Kim ngạch XK ▲ 10,34%

Kim ngạch NK ▲ 6,65%

Tính đến 15/12/2023 so cùng kỳ

Ngân hàng

So với cuối năm 2022

▲ 12,25%



▲ 10,55%

Tổng nguồn vốn huy động

Tổng dư nợ cho vay

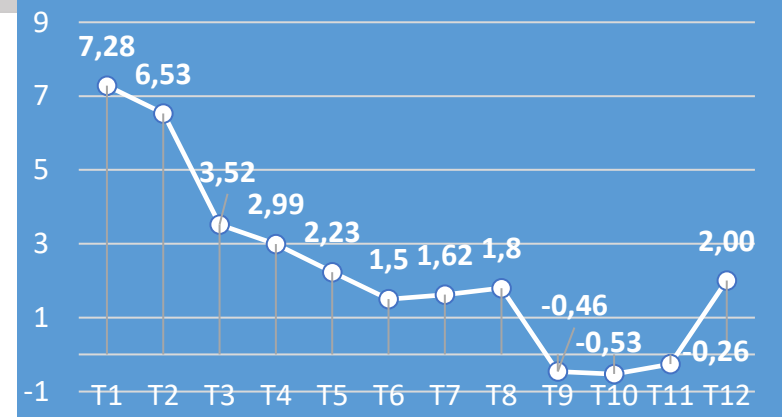
1854

DN thành lập mới và quay trở lại hđ

875

DN rút lui khỏi thị trường

Đăng ký doanh nghiệp



CPI các tháng năm 2023 so cùng kỳ (%)

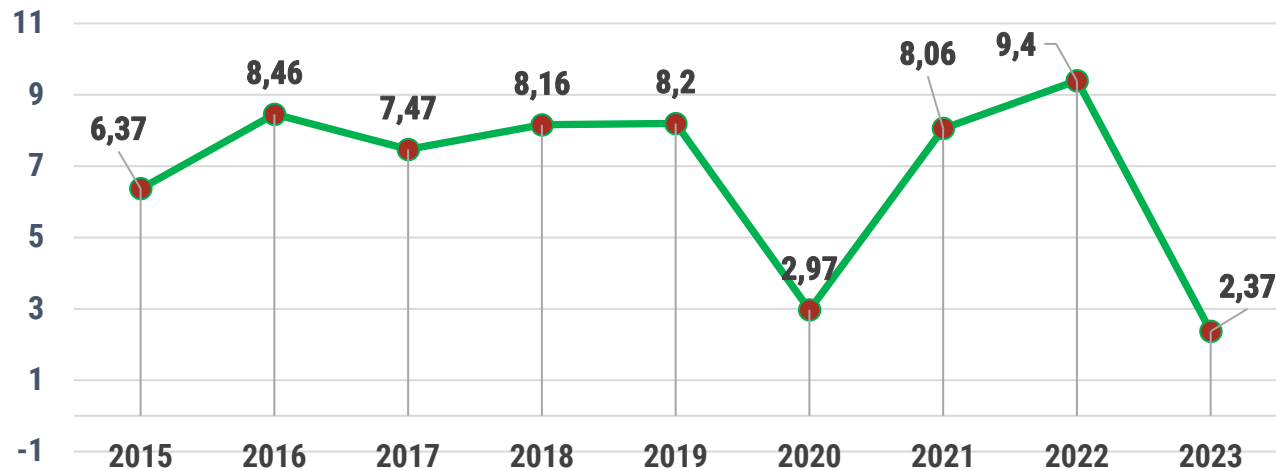
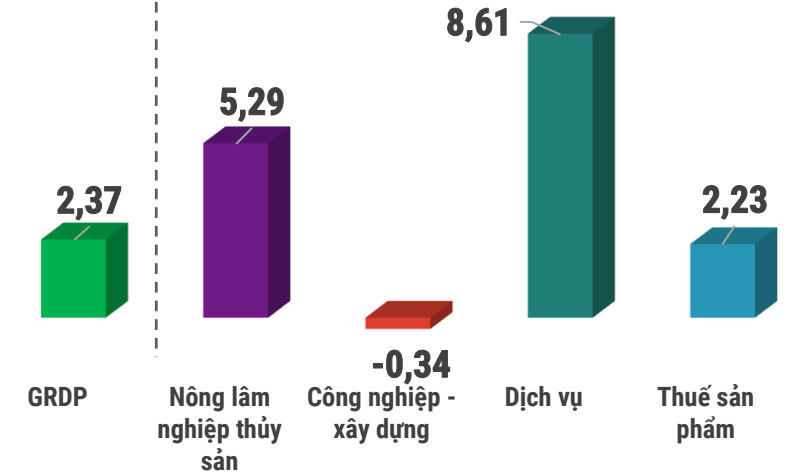
I. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) Vĩnh Phúc năm 2023 ước tăng 2,37% so với năm 2022. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,29%; khu vực công nghiệp xây dựng giảm 0,34%; khu vực dịch vụ tăng 8,61%; thuế sản phẩm tăng 2,23%.

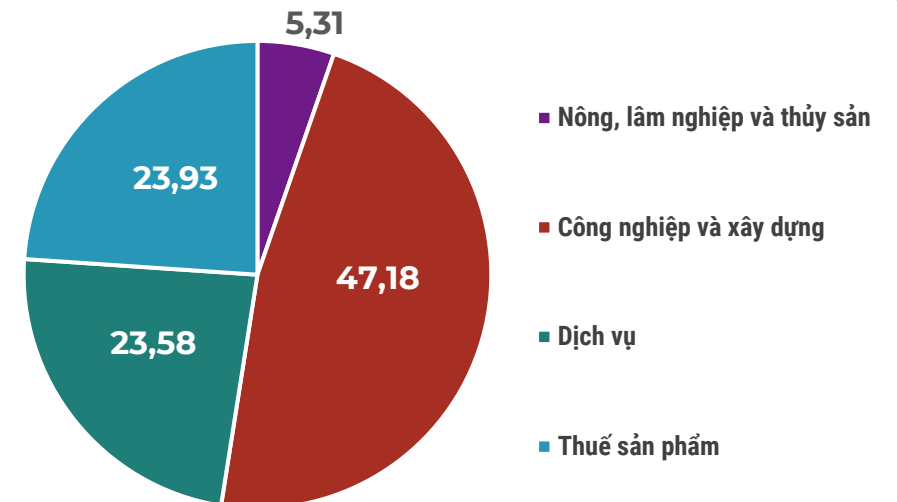
Quy mô GRDP tỉnh Vĩnh Phúc năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 158,01 nghìn tỷ đồng, tăng 3,23% so với năm 2022.

Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng, tăng tỷ trọng khu vực dịch vụ.

Tốc độ tăng GRDP theo khu vực (%)



Tốc độ tăng GRDP các năm so với cùng kỳ (%)



Cơ cấu GRDP (%)

II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

1. Trồng trọt

Năm 2023, diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 84,5 nghìn ha, giảm 1,38% so với năm trước. Cây lúa tiếp tục là cây trồng chủ lực với diện tích gieo cấy cả năm đạt 52,5 nghìn ha, chiếm 62,18% tổng diện tích gieo trồng, giảm 1,03%. Năng suất của hầu hết các loại cây trồng đều tăng so với cùng kỳ: lúa tăng 11,77%; ngô tăng 3,78%; khoai tăng 2,87%; đậu tương giảm 3,77%; rau các loại tăng 16,11%. Sản lượng lương thực có hạt ước đạt 354,6 nghìn tấn, tăng 8,86%.

2. Chăn nuôi

Sản xuất chăn nuôi gặp nhiều khó khăn, đặc biệt chăn nuôi lợn, giá cả một số sản phẩm chăn nuôi thấp, bấp bênh, không ổn định. Những tháng cuối năm, dịch tả lợn châu Phi xuất hiện ở một số tỉnh khiến giá lợn hơi trên địa bàn liên tục giảm. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2023 ước đạt 129,5 nghìn tấn, tăng 2,84% so với cùng kỳ, trong đó, thịt lợn hơi tăng 3,07%; thịt gia cầm tăng 3,49%. Các sản phẩm chăn nuôi khác tăng khá.

Sản lượng thu hoạch cây hàng năm

Năm 2023

311.758 tấn

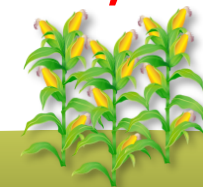
▲ 10,61%



Lúa

42.817 tấn

▼ 2,41%



Ngô

228.417 tấn

▲ 11,54%



Rau các loại

▼ 3,29%



Thịt trâu, bò

▲ 8,38%



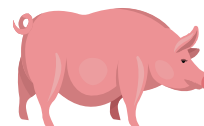
Sữa bò tươi

▲ 2,93%



Sản lượng gỗ

▲ 3,07%



Thịt lợn

▲ 3,49%



Thịt gia cầm

▲ 3,16%



Sản lượng thủy sản

Tốc độ tăng sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu năm 2023

III.TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

1.Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)

Năm 2023, hoạt động sản xuất công nghiệp cả nước và tại Vĩnh Phúc gặp nhiều khó khăn thách thức do tình hình kinh tế thế giới suy giảm. Lạm phát toàn cầu tăng cao, đặc biệt tại các thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản, đã làm giảm nhu cầu tiêu dùng, ảnh hưởng đến các ngành công nghiệp chính của tỉnh. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) qua các quý so cùng kỳ cho thấy sự phục hồi nhưng mức độ còn chậm: Quý I giảm 4,91%, quý II và quý III giảm lần lượt 0,68% và 0,34%, quý IV tăng 3,27%. Tính chung cả năm 2023, IIP giảm 0,41% so với cùng kỳ năm trước

2. Chỉ số tiêu thụ, tồn kho



▲ **7,75%**

So với năm 2022

Chỉ số tiêu thụ

toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo



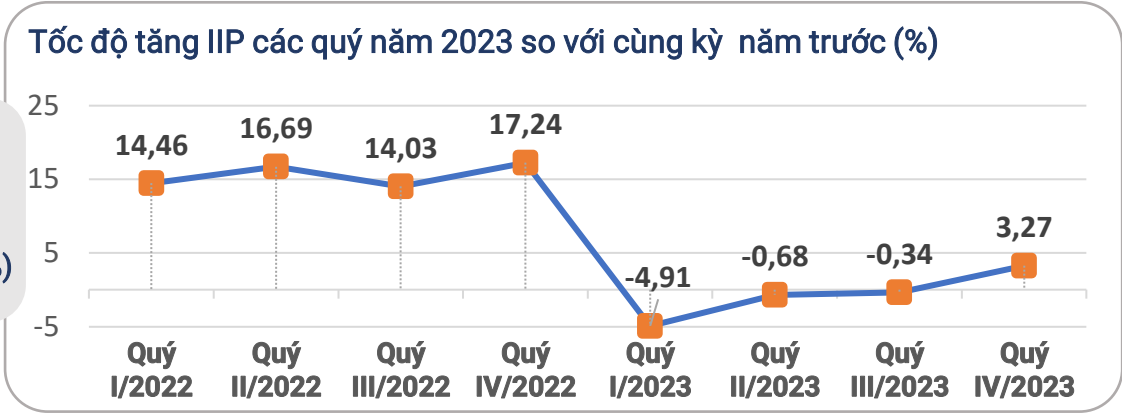
▲ **27,29%**

T12 so với cùng kỳ năm trước

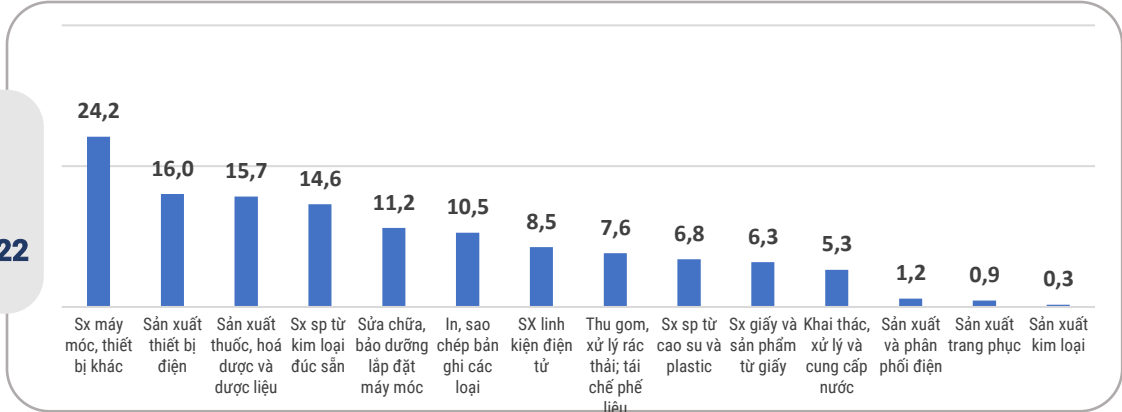
Chỉ số tồn kho

toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

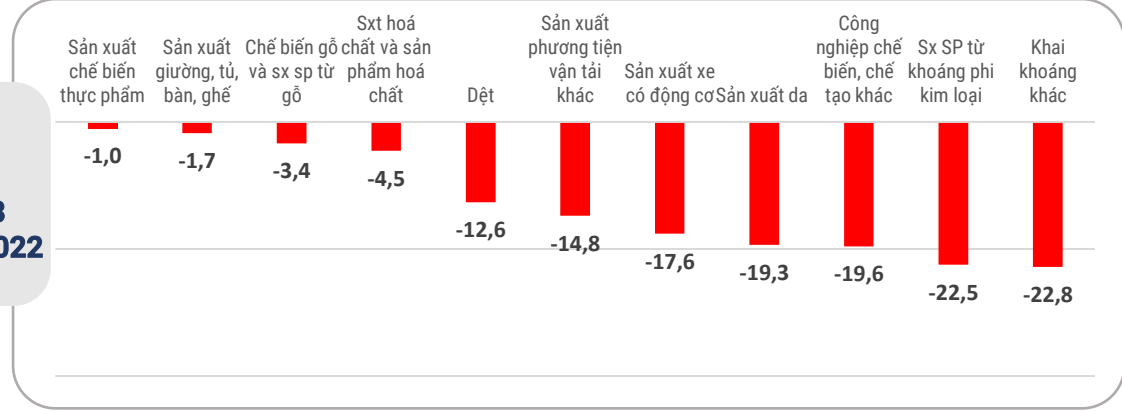
▼ **0,41%**
IIP năm 2023
so năm 2022 (%)



Có **14/25**
ngành cấp 2
IIP năm 2023
tăng so năm 2022



Có **11/25**
ngành cấp 2
IIP năm 2023
giảm so năm 2022



IV. THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ

1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và vận tải

Năm 2023, hoạt động thương mại và dịch vụ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc diễn ra khá sôi động; nhu cầu về đi lại du xuân, du lịch, ăn uống ngoài gia đình của người dân tăng khá cao so với cùng kỳ năm 2022; nhiều lễ hội được tổ chức với quy mô lớn, thu hút đông đảo du khách tham quan; các chính sách tăng lương từ 01/7, giảm thuế VAT, tăng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước trở thành động lực thúc đẩy tiêu dùng trong dân cư và tăng trưởng các ngành thương mại, dịch vụ, góp phần quan trọng vào quá trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2023 ước đạt 81,18 nghìn tỷ đồng, tăng 18,18% so năm 2022, trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 69,14 nghìn tỷ đồng, tăng 15,93%; doanh thu các ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 7,27 nghìn tỷ đồng, tăng 43,18%; doanh thu các ngành dịch vụ tiêu dùng khác đạt 4,77 nghìn tỷ đồng, tăng 20,01%.

Doanh thu hoạt động vận tải năm 2023 ước đạt 6,18 nghìn tỷ đồng, tăng 19,46% so với năm 2022.

Vận tải hành khách

Vận chuyển ▲ 20,64%

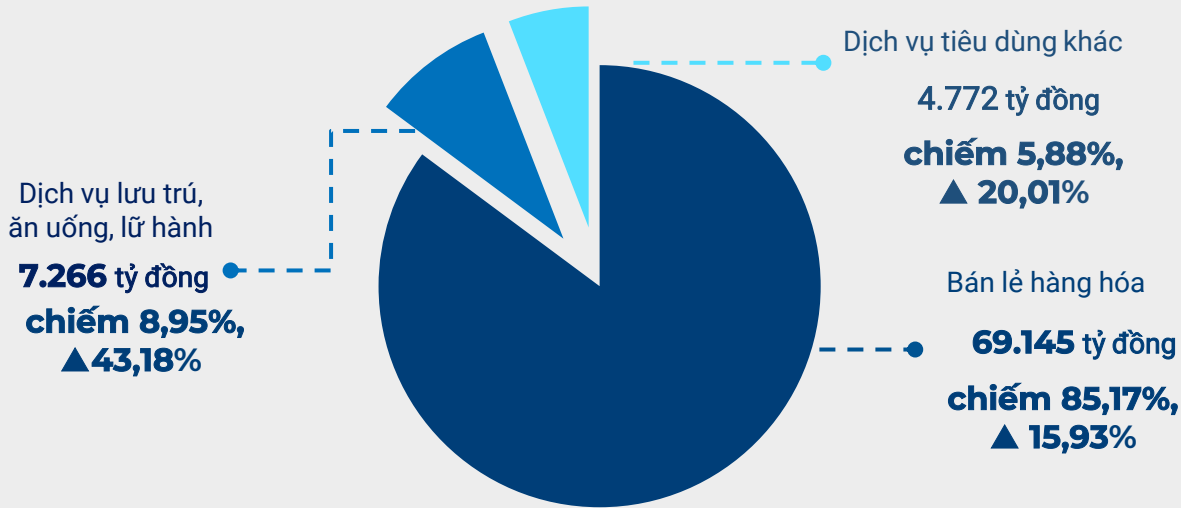
Luân chuyển ▲ 28,64%

Vận tải hàng hóa

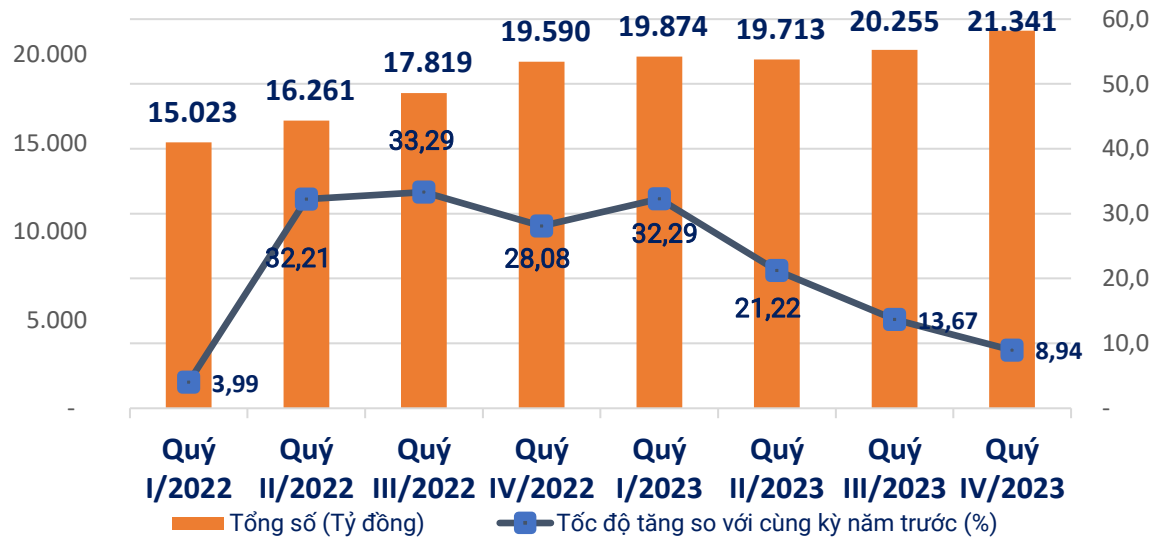
Vận chuyển ▲ 34,22%

Luân chuyển ▲ 37,29%

Năm 2023 so với 2022



Cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng năm 2023



Quy mô và tốc độ tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng

các quý năm 2022-2023

V. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

1.Vốn đầu tư phát triển

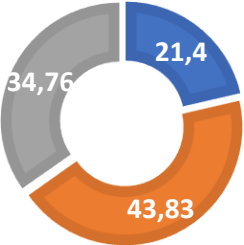
Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh năm 2023 ước đạt 52,1 nghìn tỷ đồng, tăng 7,61% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn đầu tư khu vực Nhà nước ước đạt 11,1 nghìn tỷ đồng, là động lực tăng trưởng chính của tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội với mức tăng 20,61%, riêng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý đạt gần 10 nghìn tỷ đồng, bằng 90,57% kế hoạch giao.

THỰC HIỆN VỐN NSNN THEO KẾ HOẠCH



90,57

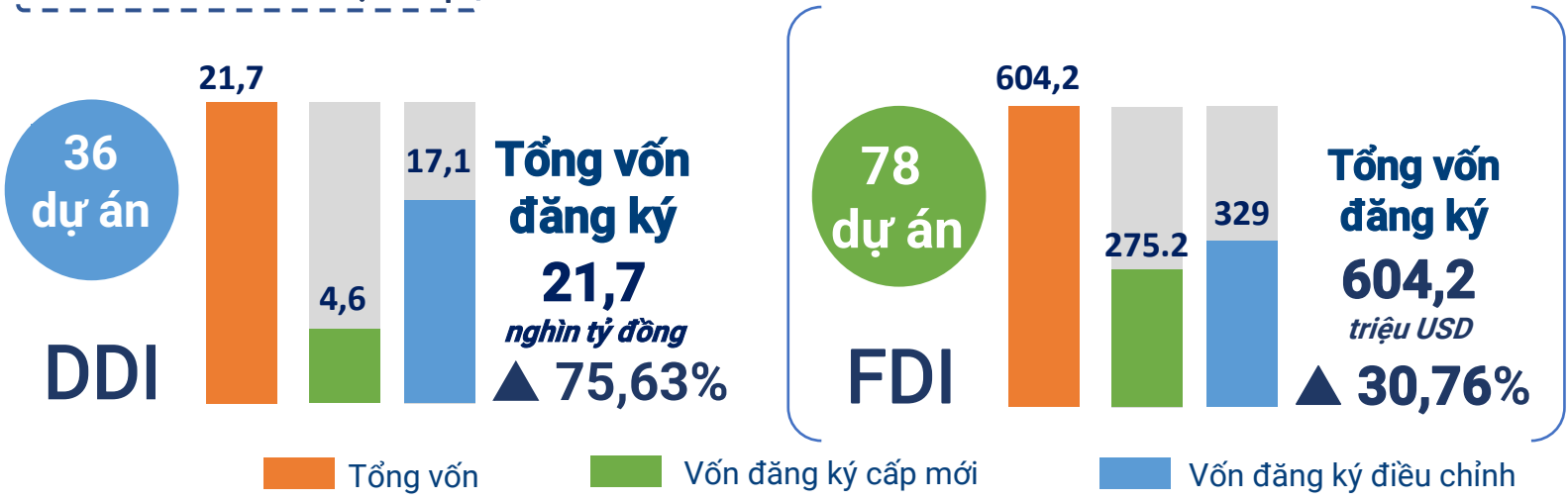
CƠ CẤU VỐT PHÁT TRIỂN



21,4
43,83
34,76

■ Nhà nước ■ Ngoài NN ■ FDI

2. Thu hút đầu tư trực tiếp



3. Đăng ký doanh nghiệp

	Đến 15/12/2023	So với cùng kỳ năm trước (%)
DN đăng ký thành lập mới	1.488	112,64
DN hoạt động trở lại	357	91,07
DN tạm ngừng kinh doanh có thời hạn	720	131,87
DN đã hoàn tất thủ tục giải thể	155	182,35

Trung bình mỗi tháng



154

DN thành lập mới và quay trở lại hơ



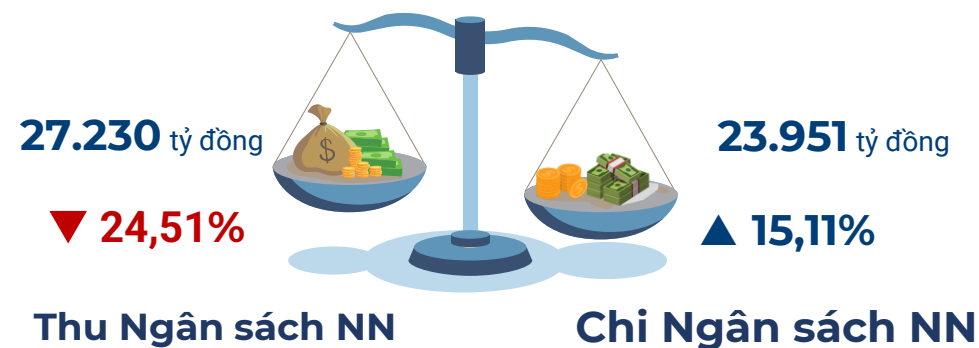
73

DN rút lui khỏi thị trường

VI. THU CHI NSNN

Năm 2023, thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn giảm do khó khăn trong hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp và tác động của các chính sách giảm, giãn thu của Nhà nước mới ban hành. Tính đến 15/12/2023, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 27,2 nghìn tỷ đồng, giảm 24,51% so với cùng kỳ, bằng 84,22% dự toán giao đầu năm.

Tổng chi ngân sách nhà nước đạt 23,9 nghìn tỷ đồng, tăng 15,11% so với cùng kỳ.



VII. NGÂN HÀNG

Dự kiến đến 31/12/2023

Tổng nguồn vốn huy động
tăng 12,25% so với cuối năm 2022.

123 nghìn tỷ đồng

Tổng dư nợ cho vay
tăng 10,55% so với cuối năm 2022.

128 nghìn tỷ đồng

Tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức 0,74% tổng dư nợ.



Xuất nhập khẩu

(Tính đến 15/12/2023 đầu năm so với cùng kỳ)

16,25 tỷ USD

▲ 10,34%

Xuất khẩu

14,64 tỷ USD

▲ 6,65%

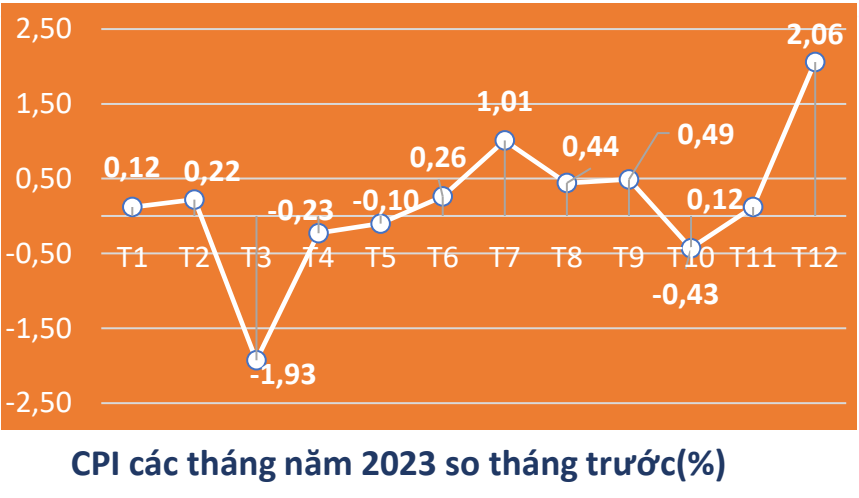
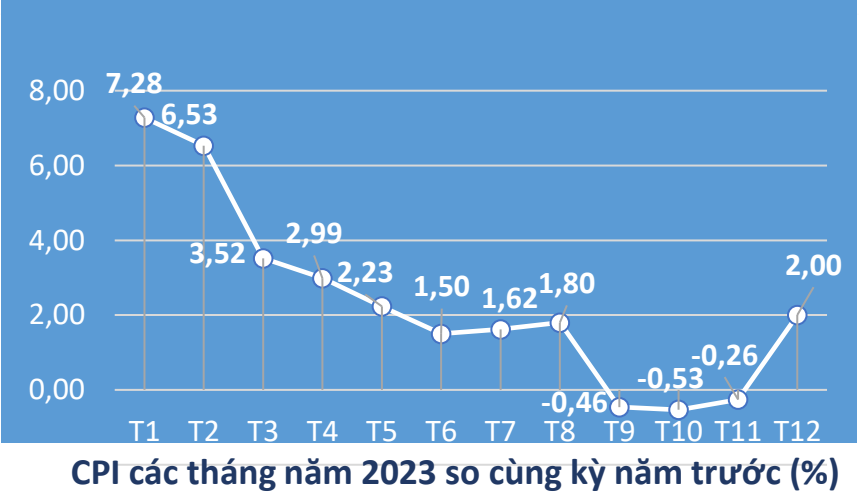
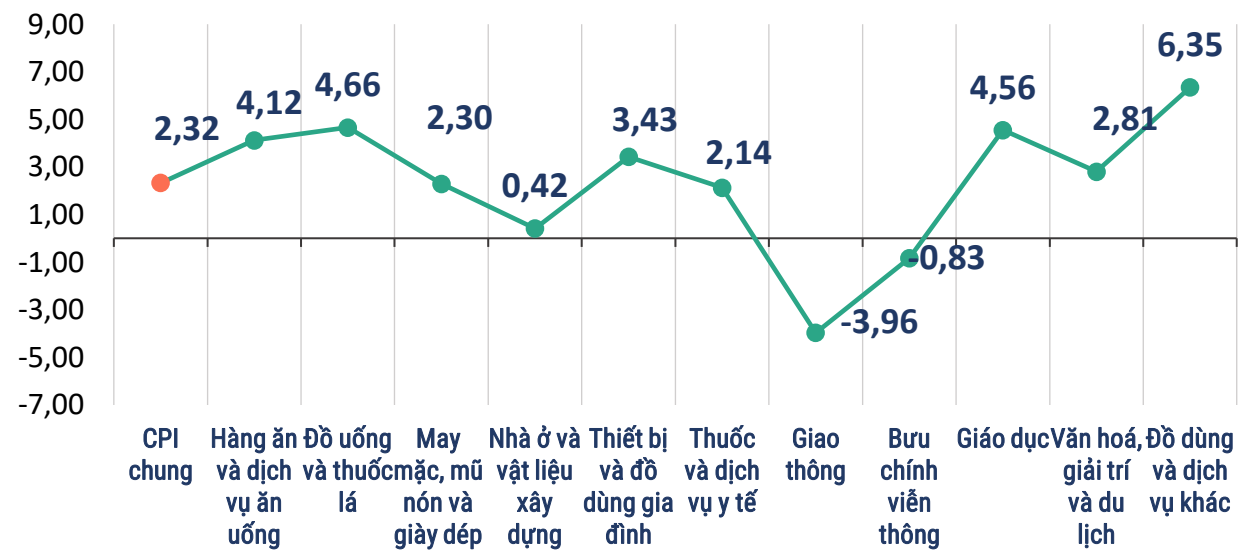
Nhập khẩu



VIII. CHỈ SỐ GIÁ

Tình hình giá cả thị trường trên địa bàn cơ bản ổn định. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) các tháng từ đầu năm đến nay có xu hướng giảm dần. CPI bình quân năm 2023 tăng 2,32% so với năm trước, thấp hơn nhiều mức tăng 4,45% của năm 2022. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ, có 9 nhóm có chỉ số giá tăng và 2 nhóm có chỉ số giảm.

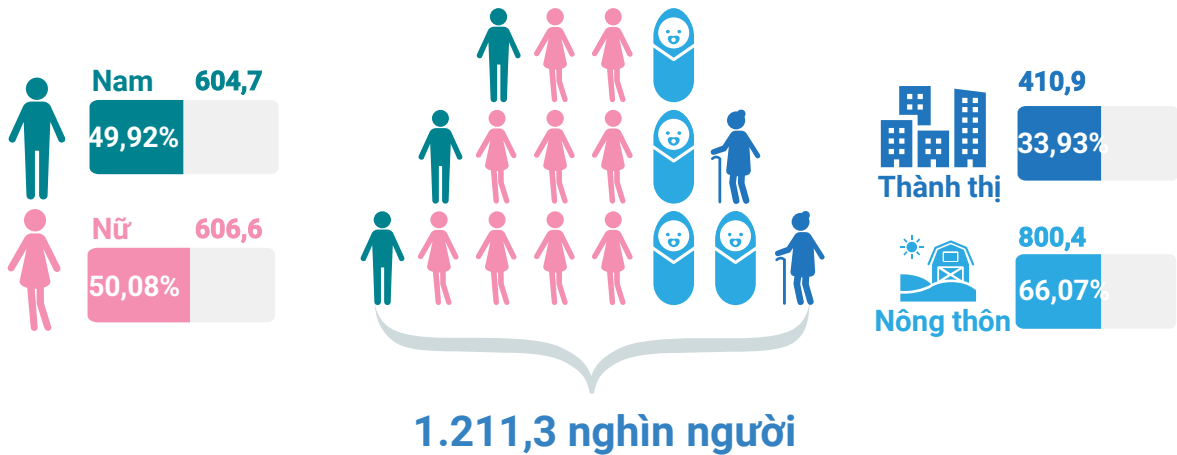
CPI bình quân các nhóm hàng năm 2023 so với năm 2022 (%)



IX. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

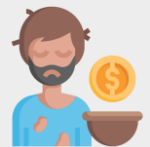
Năm 2023, tỉnh Vĩnh Phúc phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện có nhiều khó khăn, thách thức. Song, với sự quyết tâm cao độ của toàn Đảng bộ, chính quyền, người dân và doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh ổn định, tăng trưởng kinh tế có dấu hiệu phục hồi, các chế độ, chính sách, an sinh xã hội được bảo đảm, quốc phòng, an ninh được giữ vững.

DÂN SỐ TRUNG BÌNH NĂM 2023



Giải quyết việc làm

Giải quyết cho **19,7** nghìn người
Vượt **18,8%** kế hoạch,
= **91,3%** so cùng kỳ.



Tỷ lệ hộ nghèo

Theo chuẩn nghèo đa
chiều đạt **0,61%**



Lực lượng lao động

606,8 nghìn người ▲ **2,38%**



Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc

597,2 nghìn người ▲ **2,20%**



Tỷ lệ hộ cận nghèo

Theo chuẩn nghèo đa
chiều đạt **1,38%**

IX. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI



120 vụ

Xảy ra **120** vụ
59 người chết;
117 người bị thương

An toàn giao thông



92 vụ

Xảy ra **92** vụ
Thiệt hại **3,2** tỷ đồng
và **8** ha rừng

Cháy nổ



363 vụ

Phát hiện
và xử lý **363** vụ
Tổng số tiền xử phạt
hơn **3** tỷ đồng

Vi phạm môi trường



06 vụ

05 ngôi nhà bị hư hỏng;
34,5 ha lúa bị hư hại;
Tổng giá trị thiệt hại
ước **2,3** tỷ đồng

Thiên tai

X. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CÁC TỈNH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

	GRDP theo giá hiện hành (tỷ đồng)	Tốc độ tăng GRDP (%)	Chia ra				Thu hút đầu tư FDI (triệu USD)	Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP (%)	Tổng mức BLHH & DV (tỷ đồng)	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn (tỷ đồng)	Thu nhập bình quân đầu người/năm (triệu đồng)
			Nông, lâm nghiệp & thủy sản (%)	Công nghiệp, xây dựng (%)	Dịch vụ (%)	Thuế sản phẩm (%)					
Vĩnh Phúc	158.098	99,59	105,29	99,66	108,61	102,23	604,24	99,59	81.184	52.134	64,20
Hà Nội	1.297.135	103	102,74	105,29	107,26	103,13	2.943	103	776.109	506.214	82,08
Bắc Ninh	220.222	88,66	97,69	86,76	103,63	100,25	1.103	88,66	91.356	55.455	63,60
Hải Phòng	402.505	113,16	101,11	111,54	110,02	105,83	3.403	113,16	164.454	190.642	...
Hải Dương	184.123	108,30	104,08	109,06	107,39	109,53	1.136	108,30	95.224	55.674	63,30
Ninh Bình	88.947	100,02	102,86	102,95	113,23	106,38	93,40	100,02	81.393	32.156	63,50
Hà Nam	85.343	113,50	101,20	112,20	106,59	102,79	400	113,50	47.429	42.600	61,20
Hung Yên	143.623	106,17	102,53	107,44	118,36	110,83	628	106,17	110.287	68.029	61,60
Nam Định	103.596	114,58	103,45	115,95	107,40	106,38	332	114,58	68.598	55.565	70,40
Thái Bình	123.328	110,60	102,28	111,61	106,13	101,87	2.893	110,60	69.240	59.647	63,00
Quảng Ninh	315.839	114,04	104,43	111,47	112,56	107,93	3.150	114,04	...	104.203	80,47

CỤC THỐNG KÊ TỈNH VĨNH PHÚC

Địa chỉ: 20 Lý Thái Tổ, Đồng Đa, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc
Điện thoại: 0211 3 861 139
Website: <https://www.thongkevinhphuc.gov.vn>
Email: vinhphuc@gso.gov.vn
Infographic chỉ tiêu kinh tế - xã hội được phát hành kèm theo Báo cáo số 755 /BC-CTK ngày 27/12/2023 của Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc.